

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2017
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1, Ông Lê Xuân Tầm
- 2, Ông Nguyễn Viết Khang

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Đức Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/12/2016 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Trần Đức Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Về tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi, chửi và đánh nhau. Tháng 10/2016 chị không sống chung cùng anh Đ nữa mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn L, xã B, huyện V ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Đức Đ có 02 con chung là Trần Lê Mai Trang, sinh ngày 19/3/2012 (hiện đang ở với anh Đ) và Trần Đức Việt, sinh ngày 01/5/2013 (hiện đang ở với chị). Ly hôn chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Việt, để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Trần Đức Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017 anh Đ trình bày và xác nhận: Về thời gian kết hôn như chị L trình bày là đúng anh không bổ sung gì. Trong quá trình chung sống anh và chị L đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên đã sống ly thân với nhau từ trước tết âm lịch năm 2017. Sau khi ly thân, chị L không sống chung với anh nữa mà về sống tại thôn L, xã B, huyện V. Nay chị L xin ly hôn anh chưa muốn bỏ vì nghĩ cho các con của anh và chị L, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị L có 02 con chung là Trần Lê Mai T, sinh ngày 19/3/2012 (hiện đang ở với anh) và Trần Đức V, sinh ngày 01/5/2013 (hiện đang ở với chị L). Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn thì anh xin nuôi cả hai con, nếu chị L đồng ý cho anh nuôi hai con thì anh đồng ý ly hôn ngay. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; đất nông nghiệp và công sức: Chị Lê Thị L và anh Trần Đức Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Đức Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đức V, sinh ngày 01/5/2013; giao cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Mai T, sinh ngày 19/3/2012.

Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Trần Đức Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị L và anh Trần Đức Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị L và anh Đ đã có thời gian sống hòa thuận, hạnh phúc nên đã có 02 con chung. Sau thời gian chung sống, hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ không muốn ly hôn vì nghĩ đến các con của anh và chị L, nhưng anh lại đưa ra điều kiện nếu chị L cho anh nuôi hai con thì anh đồng ý ly hôn ngay. Việc anh Đ cho rằng không muốn ly hôn vì các con của anh là không thực tâm vì trong thời hạn Tòa án giải quyết vụ án có triệu tập anh Đ đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên về sống đoàn tụ được. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Đức Đ có 02 con chung là Trần Lê Mai T, sinh ngày 19/3/2012 (hiện đang ở với anh Đ) và Trần Đức V, sinh ngày 01/5/2013 (hiện đang ở với chị L). Ly hôn chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T; anh Đ xin nuôi cả hai con. Xét về điều kiện và hoàn cảnh hiện tại của chị L và anh Đ, trong việc trông nom và chăm sóc con chung là ngang nhau và để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống của các cháu thì cần giao cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Mai T và giao cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đức V theo nguyện vọng của chị L là phù hợp. Về yêu cầu xin nuôi hai con của anh Đ là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L và anh Trần Đức Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị Lê Thị L và anh Trần Đức Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Đức Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Đức V, sinh ngày 01/5/2013 (hiện cháu V đang ở với chị L); giao cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Mai T, sinh ngày 19/3/2012 (hiện cháu T đang ở với anh Đ). Chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0004255 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Chấn Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên